

TRƯỜNG CAO ĐẲNG B.C CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐẠO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu - MH1104234

Mã lớp học phần: 25211MH110423401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Võ Nguyễn Hương Thảo - (04147)

Ngày thi: 27/01/2026 Giờ thi: 14^h Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		8,5	Tám, năm	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		9,0	Chín, không	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		8,5	Tám, năm	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2				
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		8,5	Tám, năm	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		9,0	Chín, không	
8	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2				
9	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2				
10	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		9,5	Chín, năm	
11	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
12	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		7,5	Bảy, năm	
13	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
14	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		9,0	Chín, không	
15	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		7,5	Bảy, năm	
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		8,5	Tám, năm	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		9,0	Chín, không	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		9,5	Chín, năm	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		8,5	Tám, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 06 . Số bài thi: 13 / 19 .

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Ngày 27 tháng 01 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Võ Nguyễn Hương Thảo

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu - MH1104234

Mã lớp học phần: 25211MH110423401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Võ Nguyễn Hương Thảo - (04147)

Ngày thi: 03/02/2026 Giờ thi: 15^h 30 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		7,3	Bảy, ba	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		6,3	Sáu, ba	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		6,0	Sáu, không	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		7,5	Bảy, năm	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		7,4	Bảy, bốn	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		7,0	Bảy, không	
8	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		5,0	Năm, không	
9	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		8,0	Tám, không	
10	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		5,4	Năm, bốn	
11	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
12	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		6,0	Sáu, không	
13	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
14	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		6,0	Sáu, không	
15	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		5,3	Năm, ba	
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		3,5	Ba, năm	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		7,3	Bảy, ba	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		7,8	Bảy, tám	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		6,8	Sáu, tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 03 . Số bài thi: 16 / 19 .

Ngày: 04 tháng 02 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày: 03 tháng 02 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Võ Nguyễn Hương Thảo

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀTẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu - MH1104234

Mã lớp học phần: 25211MH110423401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Võ Nguyễn Hương Thảo - (04147)

Ngày thi: 27/01/2026 Giờ thi: 14h Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	An	8,5	Tám, năm	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bao	7,5	Bảy, năm	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	Bao	8,0	Tám, không	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	Dieu	8,5	Tám, năm	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	Duy	9,0	Chín, không	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	Dat	8,0	Tám, không	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	Gia	7,5	Bảy, năm	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	Han	8,5	Tám, năm	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	Kiem	8,5	Tám, năm	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	Khoa	8,5	Tám, năm	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	Khoi	7,5	Bảy, năm	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	Lam	9,5	Chín, năm	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	Nhi	9,5	Chín, năm	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	Nhut	7,0	Bảy, không	
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	Tan	7,0	Bảy, không	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	Thao	8,0	Tám, không	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	Thao	9,5	Chín, năm	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	Thuan	7,0	Bảy, không	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	Thu	9,0	Chín, không	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	Truc	8,5	Tám, năm	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	Tu	9,0	Chín, không	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	Uyen	8,5	Tám, năm	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	Vy	8,5	Tám, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 01 . Số bài thi: 23 / 24 .

Ngày: 18 tháng 07 năm 2016

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 27 tháng 01 năm 2016

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Võ Nguyễn Hương Thảo



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu - MH1104234

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Võ Nguyễn Hương Thảo - (04147)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 03/02/2026 Giờ thi: 15h30 Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006	C26LG1	An	6,4	Sáu, bốn	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bao	5,7	Năm, bảy	
4	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006	C26LG1	Bao	7,0	Bảy, không	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006	C26LG1	Di	6,5	Sáu, năm	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1	duc	6,6	Sáu, sáu	
7	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006	C26LG1	Da	6,6	Sáu, sáu	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005	C26LG1	Ge	7,5	Bảy, năm	
9	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006	C26LG1	He	6,0	Sáu, không	
10	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1	Kie	7,0	Bảy, không	
11	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	C26LG1	Kho	5,2	Năm, hai	
12	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	C26LG1	Ke	4,1	Bốn, một	
13	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	C26LG1	Le	7,0	Bảy, không	
14	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006	C26LG1	Ni	6,8	Sáu, tám	
15	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	C26LG1	Nhut	5,0	Năm, không	
16	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	C26LG1	Tan	6,0	Sáu, không	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	C26LG1	Tho	5,5	Năm, Năm	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	C26LG1	Tho	8,0	Tám, không	
19	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	C26LG1	Thue	6,3	Sáu, ba	
20	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1	Thu	8,3	Tám, ba	
21	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1	Thuc	7,4	Bảy, bốn	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	C26LG1	Thu	6,0	Sáu, không	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	C26LG1	Uy	5,0	Năm, không	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	C26LG1	Vy	4,3	Bốn, Ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 01 . Số bài thi: 23 / 24 .

Ngày 02 tháng 02 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Phú Hòa

Ngày 03 tháng 02 năm 2022

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Võ Nguyễn Hương Thảo

TR
PH
V/



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu - MH1104234

Giám thị 1: Châu Lê Sơn

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25211MH110423401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Võ Nguyễn Hương Thảo

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 01/04/2026

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006		1	9,0	Chín, không	C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006		1	2,5	Hai, năm	C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006		1	7,0	Bảy, không	C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006		1	5,0	Năm, không	C26LG1	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004		1	9,5	Chín, năm	C26LG1	
7	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003		1	7,0	Bảy, không	C26LG2	
8	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006		1	7,5	Bảy, năm	C26LG1	
9	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005		1	8,5	Tám, năm	C26LG1	
10	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006		1	9,5	Chín, năm	C26LG2	
11	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006		1	3,0	Hai, không	C26LG1	
12	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006					C26LG2	
13	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005		1	5,5	năm, năm	C26LG2	
14	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG2	
15	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006		1	1,5	một, năm	C26LG1	
16	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006		1	4,5	bốn, năm	C26LG1	
17	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		1	3,5	ba, năm	C26LG1	
18	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		1	8,0	tám, không	C26LG1	
19	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006		1	2,5	hai, năm	C26LG2	
20	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006		1	7,0	Bảy, không	C26LG1	
21	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005		1	5,0	năm, không	C26LG1	
22	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006		1	4,5	bốn, năm	C26LG2	
23	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006		1	6,0	sáu, không	C26LG1	
24	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006		1	3,0	ba, không	C26LG1	
25	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006		1	7,0	bảy, không	C26LG1	
26	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG2	
27	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
28	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003		1	8,5	tám, năm	C26LG1	
29	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005		1	4,0	bốn, không	C26LG2	
30	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006		1	3,0	ba, không	C26LG2	
31	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005		1	7,5	bảy, năm	C26LG1	
32	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006		1	6,0	Sáu, không	C26LG1	
33	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006		1	4,0	bốn, không	C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004		1	6,0	Sáu, không	C26LG2	
35	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006		1	5,0	năm, không	C26LG2	
36	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006		1	4,0	bốn, không	C26LG1	
37	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 36 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 36 / 36.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa

Ngày 07 tháng 04 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Võ Nguyễn Hương Thào

